

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-CDCT ngày tháng năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh)

Tên ngành: QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG

Mã ngành: 6810205

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học

Thời gian đào tạo: 3 năm

TT	Mã học phần	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (tiết)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	TH/t học tập/ BT/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kỳ 1: 17 Tín chỉ (không tính môn học GDQP và AN)							
Môn học bắt buộc			17	285	126	142	17
1	226020	Pháp luật đại cương	2	30	18	10	2
2	229126	Tin học	3	75	15	57	3
3	224003/ 200001	Anh văn 1/Tiếng Nhật 1	3	45	18	24	3
4	226026	Quản trị học	2	30	15	13	2
5	226159	Marketing dịch vụ	2	30	15	13	2
6	226118	Văn hóa ẩm thực	2	30	15	13	2
7	226176	Tổng quan kinh doanh NH-KS	3	45	30	12	3
8	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	57	13	5
Học kỳ 2: 20 Tín chỉ (không tính môn học GDTC)							
Môn học bắt buộc			18	270	119	133	18
9	223008	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
10	224004/ 200002	Anh văn 2/ Tiếng Nhật 2	3	45	18	24	3
11	226119	Pháp luật du lịch	2	30	15	13	2

12	226126	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	30	15	13	2
13	226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật NH-KS	2	30	15	13	2
14	226187	Tâm lý du khách	2	30	15	13	2
15	226252	Thực tế doanh nghiệp nhà hàng 1	2	30	0	28	2
Môn học tự chọn			2	30	15	13	2
16.1	222017	Tiếng Việt thực hành B	2	30	15	13	2
16.2	226036	Tâm lý học đại cương	2	30	17	11	2
16.3	226017	Môi trường và con người	2	30	15	13	2
Môn học Giáo dục thể chất tự chọn			2	30	6	22	2
17.1	234002	Bóng chuyền 1	2	30	6	22	2
17.2	234006	Bóng đá 1	2	30	6	22	2
17.3	234007	Bóng rổ 1	2	30	6	22	2
17.4	234008	Cầu lông 1	2	30	6	22	2
17.5	234009	Aerobic 1	2	30	6	22	2
Học kỳ 3: 16 Tín chỉ (không tính môn học GDTC)							
Môn học bắt buộc			14	270	54	202	14
Môn học Kỹ năng mềm chọn 1 trong 3 Module			2	30	6	22	2
18.1	222036	Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc;	2	30	6	22	2
18.2	222037	Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình	2	30	6	22	2
18.3	222038	Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2	30	6	22	2
19	224016/ 200003	Anh văn 3/ Tiếng Nhật 3	3	45	18	24	3
20	226192	Tin học ứng dụng trong NH-KS	2	60	0	58	2
21	225066	Kế toán nhà hàng – khách sạn	2	30	15	13	2
22	226188	Kỹ thuật phục vụ bàn	3	75	15	57	3
23	226253	Thực tế doanh nghiệp nhà hàng 2	2	30	0	28	2

Môn học tự chọn			2	30	15	13	2
24.1	222024	Xác suất thống kê	2	30	15	13	2
24.2	226035	Soạn thảo văn bản	2	30	19	9	2
Môn học Giáo dục thể chất tự chọn			2	30	6	22	2
25.1	234003	Bóng chuyền 2	2	30	6	22	2
25.2	234010	Bóng đá 2	2	30	6	22	2
25.3	234011	Bóng rổ 2	2	30	6	22	2
25.4	234013	Cầu lông 2	2	30	6	22	2
25.5	234014	Aerobic 2	2	30	6	22	2
Học kỳ 4: 14 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc			12	210	105	93	12
26	226129	Kỹ thuật chế biến món ăn	3	75	15	57	3
27	226254	Quản trị tài chính NH-KS	3	45	30	12	3
28	226175/	Tiếng Anh chuyên ngành nhà hàng /	3	45	30	12	3
	200005	Tiếng Nhật 4					
29	226139	Quản trị ẩm thực	3	45	30	12	3
Môn học tự chọn			2	30	15	13	2
30.1	226028	Quản trị marketing	2	30	15	13	2
30.2	226034	Quản trị thương hiệu	2	30	15	13	2
30.3	226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	30	15	13	2
Học kỳ 5: 21 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc			19	495	105	371	19
31	226153	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	220	5
32	226165	Quản trị chiến lược	3	45	30	12	3
33	226256	Kỹ thuật pha chế đồ uống	5	135	15	115	5
34	226169	Quản trị tổ chức sự kiện	3	45	30	12	3
35	226255	Quản trị nhân sự nhà hàng khách sạn	3	45	30	12	3
Môn học tự chọn			2	30	15	13	2
36.1	226041	Tâm lý kinh doanh	2	30	15	13	2
36.2	226031	Quản trị rủi ro	2	30	15	13	2
36.3	226101	Đàm phán trong kinh doanh	2	30	15	13	2
Học kỳ 6: 7 Tín chỉ							

Môn học bắt buộc			2	30	15	13	2
37	226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	30	15	13	2
Môn học tự chọn			5	225	0	220	5
38.1	226138	Khóa luận tốt nghiệp	5	225	0	220	5
<i>Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>							
38.2	226257	Quản trị nhà hàng	2	30	15	13	2
38.3	226190	Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3	45	30	12	3